

Your Name (Tên của ông/bà): \_\_\_\_\_  
Address (Địa chỉ): \_\_\_\_\_  
City, State, Zip (Thành phố, bang, mã zip): \_\_\_\_\_  
Telephone (Số điện thoại): \_\_\_\_\_  
Email Address (Địa chỉ email): \_\_\_\_\_  
Self-represented (Tự đại diện)

(TOÀ ÁN QUẬN)  
DISTRICT COURT  
\_\_\_\_\_ COUNTY, NEVADA  
(HẠT \_\_\_\_\_, NEVADA)

\_\_\_\_\_  
Plaintiff (Nguyên đơn),

vs.

\_\_\_\_\_  
Defendant (Bị đơn).

CASE NO. (SỐ HỒ SƠ): \_\_\_\_\_

DEPT (PHÒNG TÒA ): \_\_\_\_\_

**AFFIDAVIT OF RESIDENT WITNESS**

**(TỜ KHAI HỮU THỆ CỦA CƯ DÂN CHỨNG NHẬN CƯ TRÚ)**

I, (*resident witness' name*) (Tôi, (tên cư dân làm chứng về nơi cư trú))

\_\_\_\_\_, swear under penalty of perjury that the following statements are true and correct (tuyên thệ chịu trách nhiệm theo hình phạt của luật khai man, xin thề rằng những điều sau là đúng sự thật và chính xác.).

1. I am over the age of eighteen (18) and competent to testify of my own knowledge to the following. (Tôi trên mười tám (18) tuổi và có khả năng chứng thực theo hiểu biết của bản thân tôi những điều sau)
2. I have lived in the State of Nevada for (*number*) \_\_\_\_\_ years and currently live at (*street, city, state*) (Tôi đã sống ở Bang Nevada (số) \_\_\_\_\_ năm và hiện sống

tại (tên đường, thành phố, bang)) \_\_\_\_\_.

I intend to live in the State of Nevada for the foreseeable future. (Trong tương lai sắp tới, tôi dự định sống ở Bang Nevada.)

3. To my personal knowledge, (name of spouse whose residency is being established) \_\_\_\_\_ lives at (street, city, state) \_\_\_\_\_ been physically living within the State of Nevada on a daily basis for at least six (6) weeks prior to the filing of this action. (Theo hiểu biết của tôi, (tên người phối ngẫu cần xác định nơi cư trú)) \_\_\_\_\_ sống tại \_\_\_\_\_ (phố, thành phố, bang)) và đã thực sự sống trong Bang Nevada hàng ngày trong ít nhất sáu (6) tuần trước khi đệ đơn cho vụ việc này.)
4. To my personal knowledge, (name of spouse whose residency is being established) \_\_\_\_\_ has physically lived in the State of Nevada since (date) \_\_\_\_\_ (Theo hiểu biết của tôi, (tên người phối ngẫu cần xác định cư trú)) \_\_\_\_\_ và đã thực sự sống trong Bang Nevada từ (ngày)) \_\_\_\_\_.
5. I see the named party an average of (number) \_\_\_\_\_ times per week (Tôi đã gặp bên được nêu tên trung bình (số) \_\_\_\_\_ lần một tuần).
6. I know the named party because (explain how you know the spouse) (Tôi biết bên được nêu tên vì (Giải thích tại sao quý vị quen người phối ngẫu))  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_.

7. I know of my own personal knowledge that (*name of person whose residency is being established*) (Theo hiểu biết của cá nhân tôi, tôi biết rằng (*tên người cần xác định cư trú*)) \_\_\_\_\_ is a bona fide resident of the State of Nevada (*thực sự là cư dân của Bang Nevada*).

**Pursuant to NRS 53.045, I declare under penalty of perjury that the foregoing is true and correct. (Theo điều luật NRS 53.045, tôi cam đoan theo hình phạt về tội khai man, những điều trên là đúng sự thật và chính xác).**

Executed on (*date*) (*Thực hiện (ngày)*) \_\_\_\_\_.

Submitted By: (*Signature*) (*Người nộp: (Chữ ký)*) ▶ \_\_\_\_\_

Printed Name (*Điền Họ và Tên*): \_\_\_\_\_